

Bản án số: **823/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/8/2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Vũ Trung Kiên

2/ Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phi Yến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm C khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 235/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thúy L, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: 300 Đường Q, phường W, quận B, TP.Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Văn C, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: 300 Đường Q, phường W, quận B, TP.Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thúy L trình bày: Bà và ông Ngô Văn C tự nguyện kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyền số 01-2010 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện X, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 19/02/2010. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng kéo dài nhiều năm, không thể hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân bà cũng đã cố gắng hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng hai bên không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay bà nộp đơn xin ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Lê Gia O, sinh ngày 05/9/2011 và Ngô Lê Y, sinh ngày 05/3/2013. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Ngô Văn C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thúy L có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn ông Ngô Văn C vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Lê Thị Thúy L xin ly hôn với ông Ngô Văn C cư trú tại 300 Đường Q, phường W, quận B, TP.Hồ Chí Minh. Xét đây là vụ án “Ly hôn”, bị đơn cư trú tại quận Tân Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn bà Lê Thị Thúy L có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Ngô Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về yêu cầu của các đương sự:*

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16, quyền số 01-2010 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện X, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 19/02/2010 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Thúy L và ông Ngô Văn C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật O vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà L giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông C, vì mâu thuẫn kéo dài, hôn nhân thực tế không còn, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ nên khả năng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà L chứng tỏ ông không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà L. Xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa bà L và ông C đã thật sự trầm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Lê Gia O, sinh ngày 05/9/2011 và Ngô Lê Y, sinh ngày 05/3/2013.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, để không làm xáo trộn cuộc sống của 02 trẻ nên giao 02 trẻ cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ O là muốn ở với mẹ. Do bà L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông C.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai không có.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thúy L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thúy L được ly hôn với ông Ngô Văn C.

- Về con chung: Bà L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Ngô Lê Gia O, sinh ngày 05/9/2011 và Ngô Lê Y, sinh ngày 05/3/2013, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông C do bà L không có yêu cầu.

* Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà L khai không có.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thúy L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0038037 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Q. TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

Trần Thanh Vân